TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Trần Thanh Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn U,** sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ X, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: bà **Trương Thị Thanh L,** sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ X, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Nguyễn Văn U trình bày: ông và bà Trương Thị Thanh L tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ vào năm 2004. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến ngày 14/4/2017 bà L bỏ nhà đi với người khác. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà L. Ông và bà L có hai người con chung là Nguyễn Thị Trúc L2 (nữ) sinh ngày 10/9/2004 và Nguyễn Thị Trúc N (nữ) sinh ngày 07/11/2009, ông yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn U và bà Trương Thị Thanh L xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114.HT, quyển số I/04 ngày 16/9/2004 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 04/7/2018 ông U yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con, Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ đã thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà L để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/7/2019, ngày 20/8/2019 nhưng bà L không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 20/9/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 15/10/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông U xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bà L không chung thủy, bỏ đi với người khác, ông từng chấp nhận cho bà L quay về tiếp tục chung sống được một thời gian, đến ngày 14/4/2017 bà L tiếp tục bỏ đi đến nay. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, bà L và ông U đã ly thân từ tháng 4/2017, không còn liên hệ nhau, cũng không có cách nào hàn gắn, hóa giải mâu thuẫn, quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông U yêu cầu ly hôn với bà L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, ông U, bà L có hai người con chung là Nguyễn Thị Trúc L2 (nữ) sinh ngày 10/9/2004 và Nguyễn Thị Trúc N (nữ) sinh ngày 07/11/2009, ông U yêu cầu được nuôi hai con chung. Hiện các cháu đang sống với ông U, được chăm sóc tốt và có nguyện vọng sống với cha. Do đó, yêu cầu tiếp tục nuôi con của ông U là hoàn toàn phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, bị đơn không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn U với bà Trương Thị Thanh L.

- *Về con chung:* Giao Nguyễn Thị Trúc L2 (nữ) sinh ngày 10/9/2004 và Nguyễn Thị Trúc N (nữ) sinh ngày 07/11/2009 cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông U nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005447 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).